TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 502/2023/DSPT
Ngày: 15/12/2023
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà **Phan Thị Hồng Dung**
- *Các thẩm phán*: Bà **Lê Thị Minh Trang**
Bà **Nguyễn Thị Thùy Trang**
- *Thư ký phiên tòa*: Ông **Huỳnh Minh Đức** – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Cần Thơ.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa*: Ông **Nguyễn Thanh Vũ** – Kiểm sát viên

Trong ngày 15 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 344/2023/TLPT-DS ngày 11/10/2023 về *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 436/2023/QĐXXPT-DS ngày 19 tháng 10 năm 2023.

Do bản án số 70/2023/DSST ngày 28/4/2023 của TAND quận Ninh Kiều xử sơ thẩm có kháng cáo, giữa các đương sự:

***** Nguyên đơn:

1. Ông Bùi Việt D, sinh năm 1960 (Vắng mặt)

Địa chỉ thường trú: 247, Kinh Hồ N, khóm F, phường F thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

Tạm trú: 28/9, đường M, khu V, phường A quận N thành phố Cần Thơ.

2. Bà Phạm Thị Lệ T, sinh năm 1969

Địa chỉ thường trú: Số H, Phạm Ngũ L, khóm H, phường E thành phố C, tỉnh Cà Mau.

Đại diện theo uỷ quyền của bà T: ông **Bùi Việt D**

* Bị đơn:

1.Ông **Đào Bá K,** sinh năm 1975 (Vắng mặt)

2. **Bà Nguyễn Thị N,** sinh năm 1976 (Có mặt).

Địa chỉ thường trú: Số E, đường số B, khu nhà ở cán bộ, giảng viên trường Đại học C. Đường N, khu vực 3, phường A quận N thành phố Cần Thơ.

* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Công ty TNHH MTV X

Đại diện theo pháp luật: **Ông Đào Bá K** – Giám đốc

Địa chỉ: Số E, đường số B, khu nhà ở cán bộ, giảng viên trường Đại học C. Đường N, khu V, phường A, quận N thành phố Cần Thơ.

2.Công ty TNHH D1

Đại diện theo pháp luật**: ông Trần Xuân M** – Giám đốc

Địa chỉ: số E, đường B, khu dân cư H, phường H, quận C, TP ..

3. Ông **Trần Xuân M** (Vắng mặt).

Trú tại: 2397 ấp P, xã T, huyện V, TP ..

Người kháng cáo: Bị đơn bà Nguyễn Thị N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và bản tự khai nguyên đơn – ông **Bùi Việt D** trình bày:

Qua mối quan hệ thân quen với ông Đào Bá K. Ông nói thành lập Công ty đang cần tiền làm vốn lưu động với lãi suất 3% / tháng. Vào ngày 17/04/ 2018 ông D có hợp đồng cho vợ chồng Đào Bá K, Nguyễn Thị N vay số tiền 400.000.000 đồng (bốn trăm triệu đồng). Số tiền cho vay này ông giao trực tiếp cho ông Đào Bá K. Khi nhận tiền từ ông xong ông K chuyển giao cho ông Trần Xuân M. Việc ông K giao tiền cho ông M, việc này là giao dịch riêng giữa ông K và ông M. Vì giữa ông và ông M chưa hề gặp mặt, không có quen biết gì với ông Trần Xuân M. Theo như thỏa thuận giữa các bên. Tiền cho vay với lãi suất 3% một tháng. Khi bên cho vay yêu cầu rút lại tiền cho vay phải báo trước cho bên vay trước 02 tháng. Do bên vay không thực hiện trả vốn và lãi theo như đã thỏa thuận. Nên ông yêu cầu trả lại tiền đã vay. Nhưng hai vợ chồng ông K bà N cứ hứa hẹn, thất hứa kéo dài thời gian 02 năm nay. Không thực hiện cam kết trả nợ, ngày 03/02/2019 theo yêu cầu của ông D, hai vợ chồng ông Đào Bá K và bà Nguyễn Thị N có làm giấy xác nhận nợ vay. Đồng thời thu lại hợp đồng trước đã lập ngày 17/04/2018. Giấy xác nhận số tiền đã vay và cam kết thời gian trả cho ông số tiền 400.000.000 đồng (bốn trăm triệu đồng) vào ngày 20/03/2019. Xin trả vốn không tính lãi vay. Với mong muốn lấy lại được tiền của mình đã cho vay. Nên ông buộc lòng chấp nhận chỉ nhận lại tiền vốn, bỏ lãi. Chấp nhận thiệt cho bản thân.

Nhưng đến nay hai vợ chồng ông Đào Bá K và bà Nguyễn Thị N. Bất chấp đạo, lý vẫn không thực hiện cam kết đã đặt bút ký, trả lại tiền cho ông.

Hoàn cảnh là công chức đã nghỉ hưu. Thu nhập lương hưu từ bảo hiểm xã hội không được bao nhiêu, không có việc làm thêm. Nên bán nhà, phải đi ở trọ để đưa tiền cho vợ chồng Đào Bá K, Nguyễn Thị N vay mong cho có lãi xoay sở cuộc sống. Nhưng lãi không có mà vốn cũng không chịu trả.

Nay ông khởi kiện ông Đào Bá K – và bà Nguyễn Thị N đến Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều thành phố Cần Thơ. Buộc vợ chồng Đào Bá K, Nguyễn Thị N phải

trả số tiền ông đã cho vay nợ gốc 400.000.000 (bốn trăm triệu đồng) và lãi suất tương ứng với thời gian đã vay.

* Nguyên đơn – bà **Phạm Thị Lệ T** uỷ quyền cho ông D trình bày như sau:

Bà có thân quen với ông Bùi Việt D. Làm việc tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Cái Răng thành phố Cần Thơ. Ông D có đưa ông Đào Bá K đến nhà bà T. Nói bà có tiền thì đưa cho ông Đào Bá K vay lãi suất 3%/tháng. Ông D sẽ đứng ra bảo đảm có gì ông chịu trách nhiệm.

Hoàn cảnh bà làm mẹ đơn thân phải nuôi 03 con còn nhỏ, đi học. Bản thân bà không có tiền phải về nhà người em ruột ở Bạc Liêu mượn **200.000.000** đồng (hai trăm triệu đồng). Giao tiền ông Đào Bá K vào ngày 27/09/2018 có làm giấy vay tôi số tiền 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng) lãi suất 3% / tháng.

Theo như thỏa thuận giữa các bên. Tiền cho vay với lãi suất 3% một tháng. Khi bên cho vay yêu cầu rút lại tiền cho vay phải báo trước cho bên vay trước 02 tháng. Do bên vay không thực hiện trả lãi theo như đã thỏa thuận. Chỉ trả lãi được có 03 tháng được 18.000.000 đồng (mười tám triệu đồng). Nên bà T yêu cầu trả lại tiền đã vay. Nhưng hai vợ chồng cứ hứa hẹn, thất hứa kéo dài thời gian 02 năm nay. Không thực hiện cam kết trả nợ. Đến ngày 03/02/2019 hai vợ chồng ông Đào Bá K và bà Nguyễn Thị N có làm giấy xác nhận nợ vay của ông D và của bà T. Đồng thời thu lại giấy vay ông K đã lập trước đây ngày 27/09/2018.

Cam kết trả bà T số tiền 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng) vào ngày 20/03/2019, xin trả vốn không tính lãi vay. Đến tháng 01/2020 hai vợ chồng ông K trả cho bà T chỉ có 50.000.000 đồng (năm chục triệu đồng).

Hoàn cảnh bà T là giáo viên thu nhập lương không được bao nhiêu, phải nuôi 03 con nhỏ. Chấp nhận đưa tiền cho vợ chồng Đào Bá K, Nguyễn Thị N vay cho có lãi xoay sở cuộc sống. Nhưng lãi không có mà vốn cũng không chịu trả. Trong khi người vay có điều kiện nhà lầu kiên cố tại số E, đường số B khu nhà ở cán bộ, giảng viên trường Đại học C. Có việc làm và thu nhập ổn định. Nay bà khởi kiện ông Đào Bá K và bà Nguyễn Thị N đến Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều TP. Cần thơ. Buộc vợ chồng ông Đào Bá K và bà Nguyễn Thị N phải trả số tiền gốc còn nợ là 150.000.000đồng cho bà và lãi xuất tương ứng với thời gian đã vay.

Bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập nhiều lần để giải quyết vụ kiện nhưng đều vắng mặt và cũng không có văn bản gửi Tòa án thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà T và ông D. Do đó vụ kiện thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được. Để bảo vệ quyền và lợi ích của các đương sự, vụ kiện được đưa ra xét xử.

Tại phiên tòa sơ thẩm;

Nguyên đơn xác định giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt không có lý do.

Tại bản án sơ thẩm số 70/2023/DSST ngày 28/4/2023 của Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Buộc ông Đào Bá K và bà Nguyễn Thị N có trách nhiệm trả cho bà Phạm Thị Lệ T số tiền 282.194.000 đồng (hai trăm tám mươi hai triệu một trăm chín mươi bốn

nghìn đồng), trong đó nợ gốc là 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng), nợ lãi là 132.194.000 đồng (một trăm ba mươi hai triệu một trăm chín mươi bốn nghìn đồng).

Buộc ông Đào Bá K và bà Nguyễn Thị N có trách nhiệm trả cho ông Bùi Việt D số tiền 564.221.000 đồng (năm trăm sáu mươi bốn triệu hai trăm hai mươi mốt nghìn đồng), trong đó nợ gốc là 400.000.000 đồng (bốn trăm triệu đồng), nợ lãi là 164.221.000đồng (một trăm sáu mươi bốn triệu hai trăm hai mươi mốt nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 13/6/2023 bà Nguyễn Thị N có đơn kháng cáo cho rằng bà không có mượn nợ ông D nên không đồng ý trả nợ, đối với phần nợ của bà T thì đã trả được 150 triệu đồng, đề nghị sửa bản án sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm người kháng cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

* *Nhận xét và đề nghị của kiểm sát* viên:

- Về tố tụng: thẩm phán chủ tọa, Hội đồng xét xử, thư ký thực hiện đúng theo quy định của BLTT dân sự. Đương sự thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo Bộ luật TTDS quy định. Do phiên tòa triệu tập lần thứ 2 nhưng các đương sự khác vắng mặt nên tiến hành xét xử theo quy định.

- Về nội dung:

Nguyên đơn khởi kiện và cung cấp Giấy cam kết xác nhận nợ giữa nguyên đơn và bị đơn đủ cơ sở xác định nguyên đơn – ông D cho bị đơn vay số tiền 400.000.000 đồng, bà T cho bị đơn vay nợ gốc còn 150.000.000 đồng, thời hạn bị đơn phải trả tiền cho nguyên đơn là ngày 20/3/2019. Nhưng bị đơn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu trả lại tiền gốc và lãi chậm trả là phù hợp với quy định của pháp luật. Bị đơn kháng cáo đề nghị bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng không cung cấp chứng cứ mới nào khác nên không chấp nhận kháng cáo của bị đơn. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết*: Ông Bùi Việt D và bà Phạm Thị Lệ T khởi kiện vợ chồng ông Đào Bá K và bà Nguyễn Thị N yêu cầu trả số tiền đã cho vay và tiền lãi chậm trả nên xác định quan hệ pháp luật là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản". Bị đơn có địa chỉ tại quận N nên Toà án nhân dân quận Ninh Kiều thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về thủ tục tố tụng*:

Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều thụ lý hai vụ án dân sự số 485/DSST ngày 24/12/2020 và ngày số 24/DSST ngày 18/01/2021, sau đó tiến hành nhập hai vụ án lại để giải quyết do có cùng bị đơn và cùng mối quan hệ vay mượn, bị đơn cam kết trên cùng bản xác nhận nợ vay. Nên việc Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều nhập vụ án là phù hợp quy định và xác định tranh chấp hợp đồng vay tài sản là đúng quy định pháp luật.

Đối với khoản nợ vay mà ông Bùi Việt D khởi kiện bị đơn, thực chất là khoản nợ ông Trần Xuân M ký nhận từ hợp đồng góp vốn với nguyên đơn. Bị đơn lập bản xác nhận nợ là trả nợ thay cho ông Trần Xuân M. Tòa sơ thẩm xác định ông M là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là đúng theo quy định, ông M vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến. Bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan kể cả ông Trần Xuân M đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng xét xử vắng mặt. Tại cấp phúc thẩm các đương sự không kháng cáo triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, nên tiến hành xét xử vắng mặt theo luật quy định.

[3] Xét yêu kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị N cho rằng không ký mượn nợ nên không đồng ý trả số của ông D 400 triệu, đối với số nợ của bà T mượn 200 triệu đã nhờ ông D trả vốn 150 triệu, còn nợ chỉ 50 triệu. Đề nghị tòa bác yêu cầu khởi kiện của ông D và xin trả bà T phần vốn còn lại.

[3.1] Về yêu cầu khởi kiện đòi nợ của ông Bùi Việt D:

Trong các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và Tòa án thu thập được Công ty TNHH D1 có ông Trần Xuân M làm đại diện theo pháp luật. Tuy nhiên, ông D xác nhận giao tiền này tận tay ông K và ông không quen biết ông M, chỉ bữa giao tiền cho ông K mượn thì có mặt ông M, do ông K nói ông đang làm thủ tục thành lập Công ty TNHH MTV X chưa xong nên bị đơn – ông K nhờ ông M ký thay trên hợp đồng góp vốn. Tuy nhiên sau đó, do nhiều lần hứa hẹn không trả tiền lời lãi theo như giao ước nên giữa nguyên đơn và bị đơn là ông K bà N đã có lập một Bản xác nhận nợ vay, theo đó: "Ngày 03/02/2019 tại số E, đường số B, Khu nhà ở giảng viên đại học C, KV3. P. A, Q. N, TP ., các bên thống nhất việc trả nợ:

Ông K và Bà N đồng ý trả thay khoản vay mà Ông Trần Xuân M – Giám đốc Công Ty D1 đã ký hợp đồng vay với Ông D ngày 17/04/2018, số tiền vay là 400.000.000 đồng (bốn trăm triệu đồng).

Ông K và Bà N chịu trách nhiệm trả cho Bà Phạm Thị Lệ T số tiền Ông K ký đã vay của Bà T ngày 27/09/2018, số tiền vay là 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng).

Thời gian trả các khoản nợ trên các bên thống nhất chậm nhất vào ngày 20/03/2019; chỉ trả vốn, bên cho vay không tính lãi."

Xét thấy tài liệu, chứng cứ này phù hợp với phần trình bày của nguyên đơn, đủ cơ sở xác định việc vay mượn giữa các đương sự là có thật. Tuy nhiên, hết thời hạn trên bị đơn vẫn không trả tiền cho ông D bà T là vi phạm. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả nợ là có cơ sở để xét chấp nhận.

Qua xem xét tài liệu chứng cứ phía nguyên đơn cung cấp cho thấy:

Đối với khoản nợ trả thay ông M, qua các chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện nguyên đơn có quan hệ vay mượn với bị đơn. Do bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ khi đến hạn nên ngoài trách nhiệm trả số tiền nợ gốc, bị đơn còn phải chịu "trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền" theo quy định tại Khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, cụ thể bị đơn phải chịu mức lãi suất 10%/năm đối với số tiền chậm trả từ sau ngày 20/3/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm (28/4/2023) là:

400.000.000 đồng x 10%/năm x 4 năm 1 tháng 8 ngày = 164.221.888 đồng (làm tròn 164.221.000 đồng).

[3.2] *Về yêu cầu khởi kiện đòi nợ của bà Phạm Thị Lệ T*:

Đối với khoản nợ của bà T, do các bên có thỏa thuận lãi suất vay là 3%/tháng vào ngày 27/9/2018, có lập biên nhận nợ, ông K ký tên người vay, do ngày 03/02/2019 bị đơn cam kết trả vốn, không tính lãi và thanh toán trước 20/3/2019 biên nhận này nguyên đơn bà T không có ký tên. Đồng thời đến ngày 20/3/2019 bị đơn không trả cho nguyên đơn do đó thỏa thuận này không phát sinh quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn. Tuy nhiên, nguyên đơn xuất trình được biên nhận nợ ông K ký tên và văn bản xác nhận nợ của ông K bà N. Từ đó có sở để buộc ông K và bà N phải trả nợ cho nguyên đơn bà T, số tiền nợ gốc là 150.000.000 (do bà T có thừa nhận bị đơn đã trả 50.000.000 đồng tiền gốc và 18.000.000 đồng tiền lãi) sự thừa nhận của nguyên đơn là tình tiết không phải chứng minh cho phía bị đơn.

Vì vậy cần tính lãi cho nguyên đơn từ ngày 27/9/2018 với số tiền 200.000.000 đồng mức lãi suất là 20%/năm đến tháng 01/2020 là 15 tháng 5 ngày. Với số tiền 150.000.000 (sau khi đã trả được 50.000.000đồng tiền gốc từ tháng 01/2020) tạm tính đến ngày xét xử là 28/4/2023 là 3 năm 3 tháng 27 ngày, có khấu trừ 18.000.000 đồng tiền lãi suất bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn. Tạm tính là 132.194.000 đồng (làm tròn). Tổng số tiền bị đơn phải trả cho bà T gốc và tạm tính đến ngày xét xử là 282.194.000 đồng.

[3.3] Về phía bị đơn N kháng cáo không đồng ý trả số nợ của ông D vì không trực tiếp vay nợ, tuy nhiên thừa nhận có ký cam kết trả nợ do bị ép buộc nhưng không cung cấp chứng cứ mới nào khác để chứng minh, đối với số tiền còn nợ của bà T nại ra đã trả được 150 triệu nhưng không có chứng cứ gì khác để chứng minh. Vì vậy không có cơ sở để xem xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn. Bản án sơ thẩm xử là có căn cứ, cần giữ nguyên.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định. Tuy nhiên do bà N có đơn xin miễn

giảm án phí nên xét giảm một nữa số tiền án phí phải nộp. Nguyên đơn được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[5] Về án phí phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của bà N không được chấp nhận nên phải chịu án phí theo quy định.

[6] Quan điểm đề nghị của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

***Tuyên xử*:**

- Về hình thức: Chấp nhận đơn kháng cáo hợp lệ của bà Nguyễn Thị N

- Về nội dung**:** Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị N.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Buộc ông Đào Bá K và bà Nguyễn Thị N có trách nhiệm trả cho bà Phạm Thị Lệ T số tiền 282.194.000 đồng (hai trăm tám mươi hai triệu một trăm chín mươi bốn nghìn đồng), trong đó nợ gốc là 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng), nợ lãi là 132.194.000 đồng (một trăm ba mươi hai triệu một trăm chín mươi bốn nghìn đồng).

Buộc ông Đào Bá K và bà Nguyễn Thị N có trách nhiệm trả cho ông Bùi Việt D số tiền 564.221.000 đồng (năm trăm sáu mươi bốn triệu hai trăm hai mươi mốt nghìn đồng), trong đó nợ gốc là 400.000.000 đồng (bốn trăm triệu đồng), nợ lãi là 164.221.000 đồng (một trăm sáu mươi bốn triệu hai trăm hai mươi mốt nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: ông Đào Bá K và bà Nguyễn Thị N phải chịu **13.284.000 đồng** (làm tròn) đối với khoản nợ trả cho ông Bùi Việt D và **7.054.500 đồng** (làm tròn) đối với khoản nợ trả cho bà Phạm Thị Lệ T. Hoàn trả lại cho bà Phạm Thị Lệ T tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 003445 ngày 18/12/2020 của Chi cục thi hành án dân sự quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn phải nộp 300.000 đồng. Chuyển số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 00001242 ngày 21/6/2023 của Chi cục THA quận Ninh Kiều thành án phí (nộp xong).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo

quy định tại các điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ Tọa Phiên Tòa

Nơi nhận:
-VKSND TP Cần Thơ;
- CC THADS q. Ninh Kiều;
-TAND q. Ninh Kiều;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Phan Thị Hồng Dung